



BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

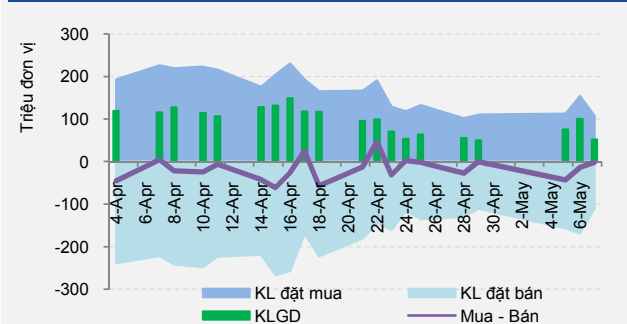
Phiên giao dịch ngày:

7/5/2014

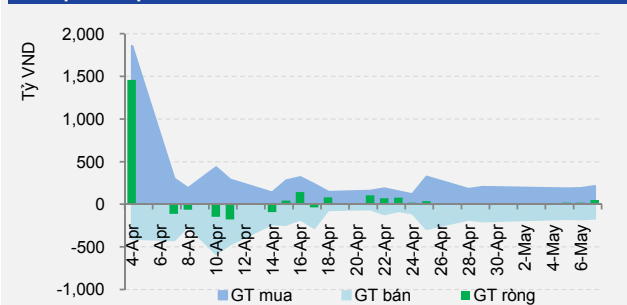
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	560.0	76.6
% Thay đổi	↑ 0.9%	↑ 0.0%
KLGD (CP)	52,416,806	35,840,133
GTGD (tỷ đồng)	895.41	322.31
Tổng cung (CP)	110,631,310	58,122,800
Tổng cầu (CP)	107,963,330	53,818,400

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	2,783,396	261,216
KL mua (CP)	5,459,616	576,980
GTmua (tỷ đồng)	214.32	11.85
GT bán (tỷ đồng)	164.35	4.19
GT ròng (tỷ đồng)	49.98	7.66

Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Nghành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 0.30%	11.4	2.1	5.5%
Công nghiệp	↑ 0.07%	28.7	1.2	16.3%
Dầu khí	↑ 1.34%	7.1	1.9	4.6%
Dịch vụ Tiêu dùng	↓ -0.17%	18.8	1.9	1.7%
Dược phẩm và Y tế	↓ -0.18%	12.5	3.1	0.6%
Hàng Tiêu dùng	↑ 1.08%	14.0	4.5	16.4%
Ngân hàng	↑ 1.14%	9.3	1.2	5.1%
Nguyên vật liệu	↑ 0.29%	12.0	2.1	10.8%
Tài chính	↑ 1.08%	12.2	2.2	35.8%
Tiện ích Cộng đồng	↑ 0.58%	13.2	5.0	3.1%
VN - Index	↑ 0.88%	13.9	3.1	73.5%
HNX - Index	↑ 0.01%	17.1	1.6	26.5%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE				
	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	1,573,540	1.6%	1,255,910	1.3%
GTGD (triệu VND)	34,027	2.1%	25,866	1.6%

NHÀ ĐẦU TƯ THẬN TRỌNG - THỊ TRƯỜNG TĂNG NHẸ VỚI DIỄN BIẾN GIAO DỊCH ẨM ĐẠM - CỔ PHIẾU VỐN HÓA LỚN HỖ TRỢ VN-INDEX

Nhận định: Thị trường quay trở lại diễn biến giao dịch ảm đạm sau phiên thanh khoản tăng lên từ ngưỡng hỗ trợ. Chỉ số VN-Index được hỗ trợ từ nhóm cổ phiếu lớn (BVH, MSN, VIC, GAS, VCB...), ghi nhận phiên tăng điểm trên 1%. Chỉ số HNX-Index tăng điểm không đáng kể. Độ rộng thị trường tích cực hơn phiên trước khi áp lực cung giá thấp không nhiều, khối lượng khớp lệnh khi thị trường giảm điểm vẫn duy trì ở mức thấp. Tuy nhiên nhìn chung, tâm lý nhà đầu tư còn thận trọng.

Thị trường đã có phiên tăng điểm trở lại, phản ứng với ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật (+/-550 điểm đối với VN-Index; 75 điểm đối với HNX-Index). Mức độ tăng điểm thấp với giao dịch ảm đạm ngay sau phiên bật lên từ ngưỡng hỗ trợ cho tín hiệu kém tích cực về động lực thị trường. Thời gian thị trường tiếp tục tăng điểm dự báo không kéo dài. Ngưỡng cản kỹ thuật gần nhất đối với VN-Index là khoảng 565 điểm.

Nhà đầu tư ngắn hạn DUY TRÌ TRẠNG THÁI, chưa nóng vội tham gia thị trường. Nhà đầu tư trung dài hạn tiếp tục tích lũy cổ phiếu khi thị trường yếu.

- Chỉ số VN-Index tăng 4.86 điểm (0.88%), lên 559.97 điểm. Mức thấp nhất trong phiên là 553.21 điểm.

- Chỉ số HNX-Index tăng 0.01 điểm (0.01%), lên 76.56 điểm. Mức cao nhất trong phiên là 77.14 điểm.

- Theo báo cáo mới được Nielsen công bố, chỉ số niềm tin người tiêu dùng Việt Nam trong quý I/2014 tăng nhẹ lên 99 điểm, từ mức 98 điểm quý cuối năm trước và là mức cao nhất kể từ quý IV/2011. Chỉ số niềm tin tiêu dùng tăng liên tục trong 4 quý gần đây cho thấy người Việt lạc quan hơn về tình hình tài chính và dần thả lỏng việc chi tiêu sau gần 2 năm thất lưng buộc bụng. Tuy nhiên, những lo lắng về tương lai vẫn thường trực khi con số này vẫn dưới ngưỡng 100 điểm.

- Cục Quản lý giá, Bộ Tài chính yêu cầu Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex) và Công ty TNHH MTV Thương mại Dầu khí Đồng Tháp (Petimex) giữ nguyên giá xăng dầu. Cục quản lý giá khẳng định, giá bình quân 30 ngày gần đây của hầu hết các chủng loại xăng dầu tăng nhẹ so với mức bình quân 30 ngày làm căn cứ tăng giá xăng, dầu diesel, dầu hỏa hôm 22-4. Tuy nhiên, giá xăng dầu thành phẩm trên thị trường thế giới trong tuần qua lại có xu hướng giảm. Vì vậy, cơ quan này yêu cầu các doanh nghiệp xăng dầu đầu mối tiếp tục giữ ổn định giá bán lẻ các mặt hàng như hiện hành.



VN-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Giảm	Giảm	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

Short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Giảm	Giảm	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

Short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- Chỉ số VN-Index tăng 4.86 điểm (0.88%), lên 559.97 điểm. Mức thấp nhất trong phiên là 553.21 điểm.

- KLGD giảm mạnh 52% so với phiên giao dịch trước, xuống 46 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI14 tăng nhẹ lên mức 39.9 điểm, tâm lý nhà đầu tư thận trọng. MACD 9 ngày duy trì khoảng cách phía dưới đường tín hiệu.

Nhận định: Thị trường quay trở lại diễn biến giao dịch âm ảm sau phiên thanh khoản tăng lên từ ngưỡng hỗ trợ. Chỉ số VN-Index được hỗ trợ từ nhóm cổ phiếu lớn (BVH, MSN, VIC, GAS, VCB...), ghi nhận phiên tăng điểm trên 1%. Độ rộng thị trường khá tích cực khi áp lực cung giá thấp không nhiều, khối lượng khớp lệnh khi thị trường giảm điểm vẫn duy trì ở mức thấp. Tuy nhiên tính chung toàn thị trường, quan điểm thận trọng vẫn phổ biến.

Thị trường đã có phiên bật tăng trở lại, phản ứng với ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật +/-550 điểm. Diễn biến tăng điểm nhờ nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn với thanh khoản giảm thấp cho tín hiệu kém tích cực về động lực thị trường. Thời gian thị trường tiếp tục tăng điểm dự báo không kéo dài. Ngưỡng cản kỹ thuật gần nhất đối với VN-Index là khoảng 565 điểm.

Nhà đầu tư ngắn hạn DUY TRÌ TRẠNG THÁI, chưa nóng vội tham gia thị trường. Nhà đầu tư trung dài hạn tiếp tục tích lũy cổ phiếu khi thị trường yếu.

HNX-INDEX

- Chỉ số HNX-Index tăng 0.01 điểm (0.01%), lên 76.56 điểm. Mức cao nhất trong phiên là 77.14 điểm.

- KLGD giảm mạnh 56% so với phiên trước, xuống 33 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI14 duy trì ở mức 30, sát ngưỡng quá bán. MACD 9 ngày duy trì khoảng cách phía dưới đường tín hiệu, tiếp tục cho chỉ báo về xu hướng giảm.

Nhận định: Thị trường quay trở lại diễn biến giao dịch âm ảm sau phiên thanh khoản tăng lên từ ngưỡng hỗ trợ. Chỉ số HNX-Index tăng điểm không đáng kể, số lượng cổ phiếu tăng giá thấp. Áp lực cung giá thấp không nhiều, tuy nhiên lực mua vào thận trọng.

Thị trường đã có phiên bật tăng trở lại, phản ứng với ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật +/-75 điểm. Mức độ tăng điểm không đáng kể ngay sau phiên phục hồi kỹ thuật với thanh khoản giảm thấp cho tín hiệu kém tích cực về động lực thị trường. Thời gian thị trường tiếp tục tăng điểm dự báo không kéo dài.

Nhà đầu tư ngắn hạn có tỷ trọng cổ phiếu cao giảm tỷ trọng về mức an toàn khi thị trường tăng điểm. Nhà đầu tư ngắn hạn DUY TRÌ TRẠNG THÁI, chưa nóng vội tham gia thị trường. Nhà đầu tư trung dài hạn tiếp tục tích lũy cổ phiếu khi thị trường yếu.

TOP CỔ PHIẾU LỢI NHUẬN TUYỆT ĐỐI Q1.2014 CAO NHẤT

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q1	% so Q1.2013	LNST Q1 (tỷ)	% so Q1.2013	EPS (đ)	BVPS (đ)	P/E	P/B	ROE (%)	Tỷ lệ SHNN (%)
1	VNM	HOSE	7,678.2	15.0%	1387.38	-9.4%	7,839	21,039	16.97	6.32	39.55	49.00
2	HPG	HOSE	6,515.5	65.6%	870.36	90.5%	4,913	21,393	9.75	2.24	24.96	44.33
3	DPM	HOSE	2,502.4	-13.2%	381.31	-45.9%	5,644	24,595	5.94	1.36	23.41	24.07
4	PVS	HNX	5,713.1	19.2%	266.33	1.5%	3,403	19,100	7.35	1.31	19.28	23.79
5	LAS	HNX	1,825.2	-2.5%	150.32	1.1%	5,767	18,602	6.83	2.12	33.45	12.61
6	HCM	HOSE	226.5	50.8%	120.32	91.4%	2,688	18,443	10.94	1.59	15.36	49.00
7	CII	HOSE	203.5	167.8%	93.5	189.8%	1,270	14,071	20.56	1.85	9.01	38.56
8	KLS	HNX	113.2	228.4%	91.63	79.7%	948	14,075	11.18	0.75	7.13	6.09
9	DRC	HOSE	678.0	11.5%	85.75	9.7%	4,609	17,641	9.31	2.43	28.77	28.61
10	CSM	HOSE	684.3	-2.5%	78.52	14.4%	5,506	19,274	6.94	1.98	31.24	14.02

TOP CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN Q1.2014 SO CÙNG KỲ

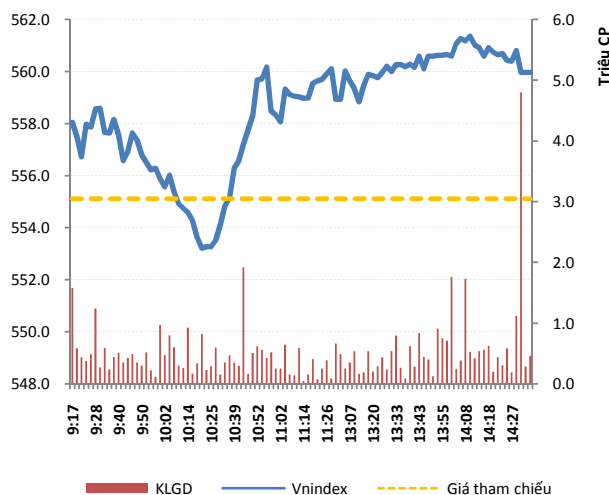
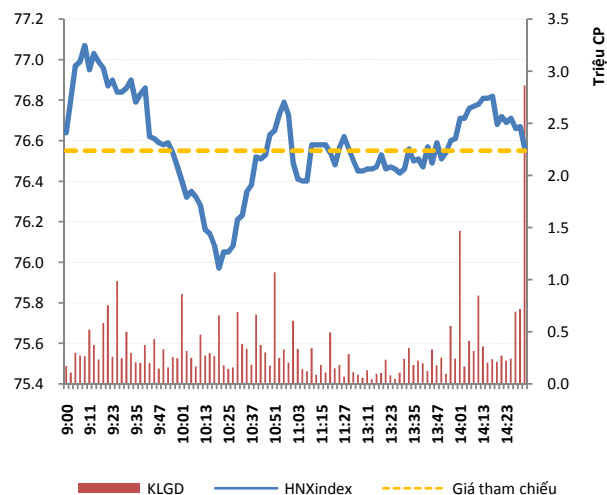
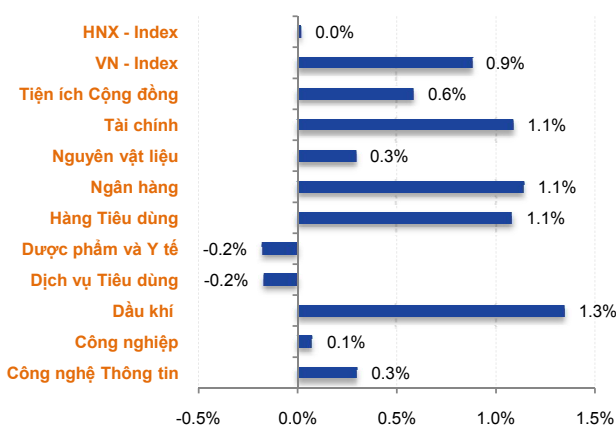
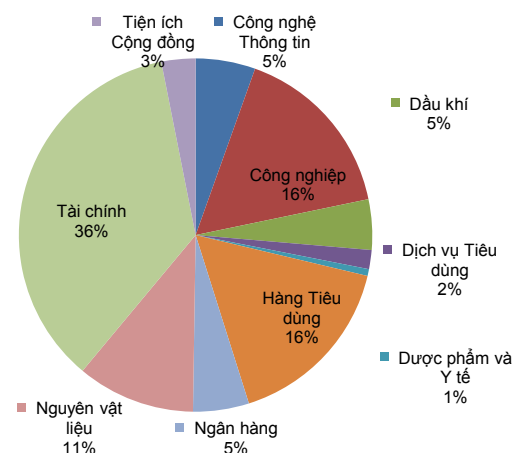
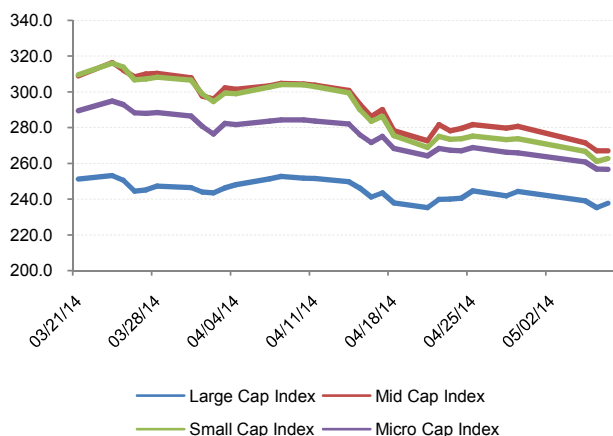
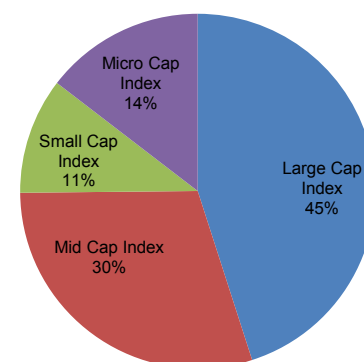
STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q1	% so Q1.2013	LNST Q1 (tỷ)	% so Q1.2013	EPS (đ)	BVPS (đ)	P/E	P/B	ROE (%)	Tỷ lệ SHNN (%)
1	LAF	HOSE	94.3	-3.0%	1.59	1490.0%	2,412	7,924	3.90	1.19	33.22	11.62
2	NAG	HNX	62.7	103.7%	4	1479.3%	358	9,498	18.18	0.68	3.83	0.79
3	POT	HNX	80.1	105.8%	0.83	937.5%	476	15,406	22.07	0.68	3.14	0.25
4	SHS	HNX	72.6	149.1%	72.4	732.2%	754	8,594	11.40	1.00	9.38	4.45
5	ITQ	HNX	119.8	79.5%	3.35	532.1%	547	10,919	17.72	0.89	5.15	0.01
6	VIG	HNX	6.1	93.3%	2.42	450.0%	248	6,630	16.90	0.63	3.83	12.87
7	APS	HNX	12.0	110.4%	7.19	432.6%	435	8,808	12.89	0.64	5.07	16.81
8	AGR	HOSE	81.0	-35.0%	58.06	408.0%	314	10,813	20.35	0.59	2.96	0.25
9	HDO	HNX	27.6	-10.1%	0.1	400.0%	(1,952)	9,734	(2.05)	0.41	(19.91)	15.55
10	BSI	HOSE	72.0	87.7%	10.25	325.3%	265	8,124	21.47	0.70	3.32	0.56

TOP CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG DOANH THU Q1.2014 SO CÙNG KỲ

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q1	% so Q1.2013	LNST Q1 (tỷ)	% so Q1.2013	EPS (đ)	BVPS (đ)	P/E	P/B	ROE (%)	Tỷ lệ SHNN (%)
1	ICG	HNX	37.8	9122.0%	3.52	314.6%	376	12,542	21.02	0.63	3.07	16.36
2	PXL	HOSE	2.3	3766.7%	0.04	-33.3%	(105)	10,183	(36.18)	0.37	(1.04)	0.13
3	BGM	HOSE	4.0	3554.5%	0.02	103.5%	34	10,193	125.58	0.42	0.33	0.63
4	KHL	HNX	4.5	3114.3%	0.56	251.4%	179	9,981	20.63	0.37	1.77	2.96
5	SHN	HNX	1.0	257.1%	-1.44	46.7%	91	3,008	41.90	1.26	4.74	0.15
6	KLS	HNX	113.2	228.4%	91.63	79.7%	948	14,075	11.18	0.75	7.13	6.09
7	PV2	HNX	0.3	222.2%	-1.38	27.7%	(3,596)	6,647	(0.86)	0.47	(45.13)	0.01
8	PXS	HOSE	357.2	188.6%	20.8	310.3%	2,090	12,854	8.99	1.46	16.06	11.30
9	SBA	HOSE	46.2	174.1%	8.43	286.7%	1,300	11,431	7.46	0.85	11.93	0.16
10	CII	HOSE	203.5	167.8%	93.5	189.8%	1,270	14,071	20.56	1.85	9.01	38.56

Ghi chú: Chỉ liệt kê các cổ phiếu có KLGD bình quân 30 phiên gần nhất > 50.000 cổ phiếu.

Các chỉ số EPS, ROE tính theo 4 quý gần nhất. Tỷ lệ SHNN tính đến ngày 05/05/2014

THỐNG KÊ GIAO DỊCH
KLGD và VN-Index trong phiên

KLGD và HNX-Index trong phiên

Biến động giá phân theo nhóm Ngành

Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành

Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa

Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa


Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
 Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	ITA	917,140	HAG	251,520
2	HT1	194,500	VIC	104,350
3	PPC	151,080	HPG	103,960
4	CTG	146,000	VSH	89,000
5	VIP	141,300	IJC	14,100

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PVS	251,100	SHB	107,600
2	SDH	61,000	KHL	15,800
3	VCG	24,700	NTP	8,000
4	ACB	21,300	EBS	7,500
5	CAN	15,700	DLR	6,800

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
ITA	8.0	8.0	→ 0.00%	3,770,790
FLC	9.7	9.5	↓ -2.06%	3,439,390
DLG	8.1	7.6	↓ -6.17%	2,190,730
HAG	24.6	24.3	↓ -1.22%	1,799,630
HLA	2.9	2.8	↓ -3.45%	1,746,600

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
PVX	4.9	4.8	↓ -2.04%	4,374,800
SHB	8.8	8.7	↓ -1.14%	3,584,860
SCR	8.3	8.3	→ 0.00%	3,467,400
KLS	10.6	10.3	↓ -2.83%	2,337,800
SHS	8.6	8.3	↓ -3.49%	2,229,000

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
GIL	23.0	24.6	1.6	↑ 6.96%
LGC	14.6	15.6	1.0	↑ 6.85%
BVH	33.7	36.0	2.3	↑ 6.82%
TSC	16.2	17.3	1.1	↑ 6.79%
CCI	10.5	11.2	0.7	↑ 6.67%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SGH	48.5	97.0	48.5	↑ 100.00%
HMH	20.1	22.1	2.0	↑ 9.95%
VC3	12.1	13.3	1.2	↑ 9.92%
HTP	7.1	7.8	0.7	↑ 9.86%
BXH	9.3	10.2	0.9	↑ 9.68%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PXM	1.3	1.2	-0.1	↓ -7.69%
CII	26.1	24.3	-1.8	↓ -6.90%
VSI	8.8	8.2	-0.6	↓ -6.82%
PNC	7.4	6.9	-0.5	↓ -6.76%
QCG	11.2	10.5	-0.7	↓ -6.25%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HHL	1.0	0.9	-0.1	↓ -10.00%
KLF	13.0	11.7	-1.3	↓ -10.00%
HCT	13.0	11.7	-1.3	↓ -10.00%
AMC	30.0	27.0	-3.0	↓ -10.00%
GMX	13.1	11.8	-1.3	↓ -9.92%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
ITA	3,770,790	1.3%	138	57.8	0.7
FLC	3,439,390	8.1%	1,048	9.1	0.6
DLG	2,190,730	0.3%	31	241.7	0.7
HAG	1,799,630	7.5%	1,287	18.9	1.4
HLA	1,746,600	-164.0%	(13,070)	-	1.0

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
PVX	4,374,800	-82.6%	(4,057)	-	1.8
SHB	3,584,860	8.6%	958	9.1	0.7
SCR	3,467,400	0.4%	53	156.6	0.6
KLS	2,337,800	7.1%	948	10.9	0.7
SHS	2,229,000	9.4%	754	11.0	1.0

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
GIL	↑ 7.0%	20.5%	4,807	5.1	1.0
LGC	↑ 6.8%	2.4%	365	42.7	1.0
BVH	↑ 6.8%	9.4%	1,672	21.5	2.0
TSC	↑ 6.8%	2.5%	397	43.5	1.1
CCI	↑ 6.7%	8.6%	1,297	8.6	0.8

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SGH	↑ 100.0%	7.1%	916	-	7.6
HMH	↑ 10.0%	19.4%	3,990	5.5	1.0
VC3	↑ 9.9%	8.1%	2,027	6.6	0.5
HTP	↑ 9.9%	6.0%	709	11.0	0.7
BXH	↑ 9.7%	17.9%	2,864	3.6	0.6

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
ITA	917,140	1.3%	138	57.8	0.7
HT1	194,500	0.1%	14	702.1	1.0
PPC	151,080	34.1%	5,122	4.0	1.2
CTG	146,000	13.2%	1,818	8.6	1.1
VIP	141,300	2.1%	349	28.4	0.6

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	251,100	19.3%	3,403	7.5	1.3
SDH	61,000	0.6%	45	131.7	0.7
VCG	24,700	9.1%	1,123	10.9	1.0
ACB	21,300	6.6%	900	18.2	1.2
CAN	15,700	12.2%	2,547	13.9	1.7

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	186,658	40.6%	6,484	15.2	5.6
VNM	111,681	36.4%	7,667	17.5	5.9
MSN	68,714	3.2%	642	145.7	4.8
VCB	61,875	10.4%	1,881	14.2	1.5
VIC	58,615	54.2%	7,404	8.7	4.1

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	14,920	6.6%	900	18.2	1.2
PVS	11,346	19.3%	3,403	7.5	1.3
SQC	8,602	-2.4%	(295)	-	6.5
SHB	7,709	8.6%	958	9.1	0.7
VCG	5,389	9.1%	1,123	10.9	1.0

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
HBC	2.24	3.0%	596	30.4	1.0
DLG	2.22	0.3%	31	241.7	0.7
PPI	2.11	1.3%	238	43.6	0.5
VHG	2.08	20.9%	2,213	3.6	0.7
HPG	1.90	25.0%	4,913	9.6	2.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
S12	3.59	0.2%	29	191.3	0.4
HHL	3.51	-147.2%	(1,163)	-	1.3
PVA	3.22	-40.5%	(1,619)	-	0.9
MMC	3.12	-15.8%	(1,442)	-	0.2
VIG	3.03	3.8%	248	16.5	0.6



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm
Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết
Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

141-143 Hàm Nghi, P. Nguyễn
Thái Bình, Quận I
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà
Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Đoàn Thị Ánh Nguyệt
nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)